

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 14 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông : Mai Đức Danh

2. Ông: Nguyễn Văn Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên .

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T - sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn C xã S, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H - sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Lê Văn T trình bày như sau: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2013, đến ngày 09/02/2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tĩnh G, tỉnh Thanh H (nay là UBND xã C, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H). Sau khi kết hôn chúng tôi, chúng tôi chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa chị H hay ghen tuông vô cớ nên chúng tôi thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Sau khi chị H sinh con thì bị tràn dịch phôi, phải điều trị tại bệnh viện tỉnh Thanh Hóa, anh là người chăm sóc, chạy chữa cho chị H. Do mâu thuẫn trầm trọng nên kể từ tháng 9/2015 cho đến nay, chị H đã để con nhỏ lại cho anh nuôi, bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống và chúng tôi ly thân nhau. Mặc dù nhà

mẹ đẻ của chị H chỉ cách nhà anh khoảng 01 km nhưng chị H không đi lại thăm nom, chăm sóc con. Trong suốt thời gian sống ly thân, chúng tôi không quan tâm đến nhau, ai lo bổn phận người đó. Nay anh xác định T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn chị Phạm Thị H.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải chị Phạm Thị H trình bày như sau Về thời gian, điều kiện kết hôn như anh Lê Văn T trình bày là đúng. Sau khi tôi sinh con thì tôi bị tràn dịch phổi, phải điều trị tại bệnh viện tỉnh Thanh Hóa, anh T có quan hệ ngoại T và chung sống như vợ chồng và có 02 con riêng với người đàn bà khác. Chị có góp ý về việc đó nhưng anh T đánh và đuổi chị về nhà mẹ đẻ. Mỗi lần tôi mua quà xuống thăm con, gia đình anh T ngăn cản không cho tôi gần gũi với con. Tôi và anh T sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, đã không liên lạc với nhau. Nay anh T khởi kiện ly hôn chị nhận thấy không còn T cảm với anh T nên đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: anh Lê Văn T và chị Phạm Thị H có 01 con chung là: Lê Thị Ngọc Á - sinh ngày: 20/5/2015.

Cả anh T và chị H đều xác định kể từ thời điểm ly hôn cho đến nay cháu Lê Thị Ngọc Á do anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị H đều thừa nhận sau khi chị về nhà mẹ đẻ sống được mấy ngày thì chị và mẹ chị đã mang cháu Lê Thị Ngọc Á lúc này khoảng 06 tháng lên nhà anh T đưa cho anh T và nói “Nồi nhà bay thì bay đem về mà nuôi”, kể từ thời gian đó cho đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Trong quá trình nuôi dưỡng chị H không có đóng góp chu cấp nuôi con cùng anh T. Nay ly hôn cả chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của BLTTDS. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều BLTTDS và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn T; Xử cho anh T được ly hôn với chị H. Về con chung Giao cháu Lê Thị Ngọc Á – SN 20/5/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị

HĐXX không xem xét; Buộc anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị H là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn chị H hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tĩnh G, tỉnh Thanh H (nay là UBND xã C, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H) vào ngày 09/02/2015, nên được công nhận là hôn nhân đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cả anh T và chị H đều xác định T cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Vì vậy HĐXX thấy cần xử cho chị H và anh T ly hôn là phù hợp với T trạng thực tế và phù hợp với các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh T và chị H thống nhất trong quá trình chung sống có 01 con chung là: Lê Thị Ngọc Á - sinh ngày: 20/5/2015. Xét nguyện vọng của cả anh T và chị H đều chính đáng, bản thân chị H cũng xác định rõ kể từ thời điểm chị và anh T sống ly thân cho đến nay anh T mới là người trực tiếp nuôi con, trong quá trình anh T nuôi con chị H có qua lại thăm nom nhưng anh T và gia đình ngăn cấm, kể từ thời điểm năm 2015 cho đến nay một mình anh T nuôi con chị không có đóng góp cùng anh T. Xét về điều kiện kinh tế, chị H có cung cấp cho Tòa án xác nhận thu nhập hàng tháng của bản thân nhưng bản thân anh T làm lao động phổ thông nhưng trong thời gian 05 năm một mình anh vẫn đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Ngọc Á. Xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận kể từ thời điểm chị H về nhà mẹ đẻ ở thì anh T là người trực tiếp nuôi con, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cháu Ngọc Á không đồng ý về ở với mẹ, tuy cháu Ngọc Á chưa đủ 7 tuổi theo quy định của Luật HNGĐ nhưng cháu cũng đã ý thức được việc mình muốn ở với bố. Nếu có giao cháu cho chị H cháu cũng không ở cùng mẹ hơn nữa tại thời điểm sống ly thân chính bản thân chị H và gia đình đã tự nguyện mang cháu Ngọc Á lúc này chưa được 06 tháng tuổi cho anh T nuôi dưỡng. Căn cứ vào điều kiện thực tế ngay từ khi cháu Ngọc Á còn chưa đủ 12 tháng tuổi anh T đã nuôi cho đến nay HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao cháu Ngọc Á cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Trong quá trình thụ lý giải quyết các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc anh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS ; Điều 51, 56; khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn T

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc Á – SN 20/5/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. Về tài sản: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0005149 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh T đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Các Sơn, TX Nghi Sơn
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Cúc